

KINH TẾ ĐÔ THỊ TẠI CÁC THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng kinh tế tại 05 thành phố trực thuộc trung ương gồm: Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (đô thị loại đặc biệt), Hải Phòng, Đà Nẵng và Cần Thơ (đô thị loại 1). Theo số liệu thống kê của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Việt Nam, tính đến năm 2021, dù chiếm khoảng 20% dân số, 2,9% về diện tích, nhưng năm thành phố trực thuộc trung ương đóng góp khoảng trên 34% GDP, xấp xỉ 26,2 % kim ngạch xuất khẩu, và đóng góp hơn 54% tổng thu ngân sách cả nước. Trên cơ sở phân tích thực trạng các tiêu chí phát triển kinh tế đô thị tại 05 thành phố trực thuộc Trung ương, tác giả sẽ đưa ra các gợi ý giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị cho Việt Nam những năm tới.

Từ khóa: Đô thị; Kinh tế đô thị; Phát triển kinh tế đô thị.

Giới thiệu

Nghiên cứu của Xing Quan Zhang (2011) đã khẳng định, năm 2010 kinh tế đô thị đóng góp đến 80% GDP của nền kinh tế. Trong đó, 100 thành phố lớn nhất thế giới chiếm 35% GDP toàn cầu, 600 thành phố hàng đầu trên thế giới ước tính tạo ra 65% GDP toàn cầu, với 1000 thành phố hàng đầu ước tính tạo ra 68% GDP toàn cầu. Có được thành tựu như trên là do các thành phố có thể tiếp cận thông tin, lao động, những phát minh sáng kiến, cơ sở hạ tầng sẵn có, thể chế dễ dàng hơn và chính các tác nhân này sẽ tạo ra môi trường kinh tế vĩ mô ổn định để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Với nền kinh tế toàn cầu hóa như hiện nay, các thành phố chính là trung tâm trao đổi các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, thông tin. Các thành phố chính là các động cơ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia và hội nhập quốc tế.

Những lợi thế của đô thị đã tạo ra năng suất lao động cao hơn ở khu vực nông thôn. Hiện nay, trên thế giới không có một nước nào phát triển kinh tế mà không có sự gia tăng số lượng các đô thị. Các đô thị là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc dân. Cũng

theo nghiên cứu của Xing Quan Zhang (2011), tại nước phát triển, năng suất lao động bình quân ở khu vực đô thị cao hơn ở nông thôn. Ví dụ ở Tokyo, quy mô dân số tại khu vực chiếm 26,8% so với cả nước và đóng góp 34,1% vào GDP cả nước. Luân Đôn với dân số 20,3% và đóng góp vào GDP là 25,4%; tương tự với Paris và Dublin với con số tương ứng là 16,2% dân số và đóng góp GDP là 26,5 hay 25,9% dân số và đóng góp vào GDP cả nước là 32,8%.

Tương tự, tại Việt Nam, theo nghiên cứu của Vũ Trọng Lâm và Nguyễn Thị Diễm Hằng (2021), tăng trưởng kinh tế khu vực đô thị giai đoạn 2010 - 2020 trung bình đạt 12% - 15%/năm, cao hơn từ 2 đến 2,5 lần so với mặt bằng chung của cả nước. Các đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn là nơi thu hút các doanh nhân, quy tụ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh của cả nước và là nguồn đóng góp ngân sách lớn nhất. Kinh tế đô thị góp khoảng 70% GDP cả nước. Riêng năm 2020, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội chiếm 42,4% tổng nộp ngân sách cả nước.

Khu vực đô thị không chỉ tạo ra tăng trưởng GDP mà còn góp phần tích cực vào chuyển dịch mô hình và cơ cấu tăng trưởng trong dài hạn, khẳng định vai trò trung tâm thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; từng bước tạo nên sự phát triển hài hòa giữa các vùng, miền, góp phần giải quyết các vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Tuy nhiên, khi kinh tế đô thị tăng trưởng nhanh, tăng trưởng nóng sẽ dẫn đến những hạn chế mà nền kinh tế đô thị toàn cầu đang đối mặt như: vấn đề tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, bạo lực gia tăng, giá đất và giá nhà trở nên đắt đỏ, đặc biệt hiện nay, vấn đề biến đổi khí hậu đang diễn biến phức tạp tại đô thị và Việt Nam cũng không phải ngoại lệ.

Hiện nay, Việt Nam phân loại đô thị gồm 06 loại và mỗi loại có phân cấp quản lý khác nhau. Trong đó, đô thị trung tâm cấp quốc gia, đô thị phát triển thường do cấp Trung ương quản lý và được xếp là đô thị loại đặc biệt hoặc đô thị loại I. Đây là các thành phố lớn, có nền kinh tế phát triển, là khu vực quan trọng về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và là động lực phát triển cho cả quốc gia. Các thành phố này có cơ sở hạ tầng và khoa học công nghệ phát triển, có nhiều cơ sở giáo dục bậc cao, dân cư đông, thuận lợi về giao thông vận tải. Nước ta hiện nay có 5 thành phố trực thuộc trung ương là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và Cần Thơ. Các thành phố trực thuộc Trung ương ở Việt Nam có vị trí, vai trò rất quan trọng trong sự phát triển đất nước và thường đóng vai trò là các trung tâm, đầu tàu phát triển của cả nước, liên vùng, của vùng, thúc đẩy, dẫn dắt, tạo động lực phát triển cho các địa phương khác.

Do vậy, bài viết sau đây tác giả sẽ phân tích thực trạng kinh tế tại 05 thành phố trực thuộc Trung Ương để có bức tranh tổng thể kinh tế đô thị điển hình tại Việt Nam, trên cơ sở đó tác giả sẽ đưa ra các giải pháp thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế đô thị tại Việt Nam giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn 2050.

1. Phương pháp nghiên cứu

Với mục tiêu nghiên cứu 05 đô thị trực thuộc Trung ương gồm Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ để so sánh và phân tích vai trò trụ cột của 05 thành phố này đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Do vậy, phương pháp nghiên cứu cơ bản như thống kê, mô tả, tổng hợp, so sánh được sử dụng trong bài viết. Phương pháp nghiên cứu bản giấy được sử dụng để tổng hợp thực trạng về phát triển kinh tế đô thị tại Việt Nam, cụ thể là năm đô thị trực thuộc Trung ương và một số tỉnh khác để so sánh, trên cơ sở đó đưa ra các gợi ý giải pháp cho phát triển bền vững kinh tế đô thị của Việt Nam trong giai đoạn 2025-2030 và hướng tới tầm nhìn 2050.

Bài viết dùng phương pháp phân tích - tổng hợp các công trình nghiên cứu trước đó, các báo cáo số liệu thống kê, kết nối các thông tin để làm sáng tỏ những nội dung nghiên cứu. Phân tích - tổng hợp được sử dụng để đánh giá một cách khách quan về thực trạng phát triển kinh tế đô thị tại các thành phố trực thuộc Trung ương. Nghiên cứu này sẽ được phân tích kỹ lưỡng trên nhiều khía cạnh; xem xét các kết quả nghiên cứu trong mối quan hệ tổng thể với những tài liệu có nguồn trích dẫn đáng tin cậy về kinh tế đô thị.

2. Thực trạng kinh tế tại năm thành phố trực thuộc Trung ương

2.1. Về đóng góp vào GDP

Ở các nước đang phát triển, các thành phố lớn thường đóng góp vào GDP cả nước cao hơn các nước phát triển. Ví dụ, thành phố Sao Paulo tỷ lệ dân số chiếm 10,5% so với cả nước nhưng đóng góp vào GDP cả nước là 19,5%, Thượng Hải dân số chiếm 1,2% nhưng đóng góp vào GDP cả nước 2,9%. Buenos Aires dân số chiếm 32,5 % nhưng đóng góp vào GDP chiếm 63,2 % (Xing Quan Zhang, 2011). Tương tự ở Việt Nam, năm 2021, 05 tỉnh có đô thị trực thuộc trung ương với dân số chiếm 22,33% dân số cả nước và chiếm 2,9% về diện tích cả nước. Tuy vậy, năm đô thị đóng góp

trên 34% GDP, giá trị xuất khẩu chiếm 26,5% tổng giá trị xuất khẩu của cả nước (Bảng 1). Nhìn vào bảng số liệu, chúng ta có thể khẳng định nền kinh tế quốc dân khu vực đô thị đóng góp là chủ yếu; các đô thị lớn cũng có đóng

góp quan trọng vào mức tăng trưởng cả nước. Có được kết quả này là do các đô thị lớn có lợi thế hơn các khu vực khác như tính tích tụ, năng suất lao động, hiệu quả quy mô.

BẢNG 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU CỦA CẢ NƯỚC VÀ MỘT SỐ THÀNH PHỐ NĂM 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Toàn quốc	Tổng của 5 thành phố	Hà Nội	Hồ Chí Minh	Hải Phòng	Đà Nẵng	Cần Thơ
Dân số trung bình	1000 người	98.506,2	22.012,5	8.330,8	9.166,8	2.072,4	1.195,5	1.247,0
Diện tích	Km ²	331.236	9.707	3.359,8	2.095,4	1.526,5	1.284,9	1.440,4
Tổng sản phẩm trong nước GDP (giá HH)	Tỷ đồng	8.398,606	2.877.285	1.067.540	1.298.791	315.710	105.050	901.94
Tổng sản phẩm trong nước (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	5.115,805	1.962.012	709.191	924.366	213.795	63.875	50.785
Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước	%	2,58		2,92	-6,78	12,38	0,18	-2,79
Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	1.523.400	822.949	267.744	385.681	104.041	46.538	18.945
Tổng trị giá xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	336.166,8	89.091	15.489	43.897	26.509	1.790	1.406

Nguồn: NGTK Việt Nam, 2021 và tính toán của tác giả dựa vào Niên giám thống kê Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Hải Phòng và Đà Nẵng, 2022.

Số liệu thống kê cho thấy, GRDP bình quân đầu người của 5 đô thị trực thuộc trung ương cao hơn GDP bình quân đầu người của cả nước (Bảng 2) và sự khác biệt này ngày càng lớn trong những năm gần đây. Cụ thể năm 2021, trung bình GRDP bình quân đầu người của 5 đô thị lớn cao gần gấp 1,5 lần GDP bình

quân đầu người của cả nước, đặc biệt Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng. Do GRDP bình quân đầu người cao hơn so với trung bình chung cả nước nên thu nhập bình quân đầu người của 5 thành phố này cũng cao hơn so với cả nước hay so với từng vùng (Bảng 3).

BẢNG 2. GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA 5 ĐÔ THỊ GIAI ĐOẠN 2017 - 2021 SO VỚI GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA CẢ NƯỚC (NGHÌN ĐỒNG)

	2017	2018	2019	2020	2021
Cả nước	53.094	58.105	62.574	80.122.5	86.080
Trung bình 05 thành phố	92.426	102.650	112.015	111.1001	127.394
Hà Nội	104.143	111.580	119.650	123.700	128.100

Hồ Chí Minh	128.900	138.600	148.100	148.600	141.700
Hải Phòng	87.030	104.291	121.227	134.603	152.341
Đà Nẵng	81.974	90.998	97.090	148.600	141.700
Cần Thơ	60.085	67.780	74.009	72.474	72.329

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ NGTK Việt Nam, 2021 và 5 đô thị lớn, 2022.

BẢNG 3. THU NHẬP BÌNH QUÂN NHÂN KHẨU 1 THÁNG CHIA THEO TỈNH VÀ CHIA THEO THÀNH THỊ - NÔNG THÔN (NGHÌN ĐỒNG)

	2016	2018	2020
Hà Nội	5.900,5	6.183,06	6.302,11
- Thành thị	6.126,56	8.738,87	7.821,60
- Nông thôn	2.812,95	3.892,36	4.750,38
Hồ Chí Minh	6.350,5	7.232,94	8.425,09
- Thành thị	6.970,8	7.522,07	8.784,89
- Nông thôn	4.834,2	5.884,10	7.056,63
Hải Phòng	5.114,1	5.582,35	6.429,74
- Thành thị	5.316,2	6.936,43	7.181,26
- Nông thôn	3.193,8	4.441,87	5.817,23
Đà Nẵng	5.005,1	5.297,96	5.432,07
- Thành thị	5.312,6	5.524,44	5.644,12
- Nông thôn	3.876,2	4.338,05	3.788,68
Cần Thơ	4.365,2	4.712,9	4.838,46
- Thành thị	4.973,8	5.238,3	5.661,36
- Nông thôn	2.616,4	2.765,4	2.860,11
Khác	2.154,5	3.019,77	3.770,51
- Thành thị	3.295,7	4.510,42	5.104,52
- Nông thôn	1.782,0	2.529,91	3.261,20
Cả nước	2.402,0	3.403,54	4.126,38
- Thành thị	3.720,2	5.242,64	5.688,36
- Nông thôn	1.848,7	2.629,48	3.385,97

Nguồn: Tác giả tính toán dựa vào bộ dữ liệu VHLSS các năm 2016, 2018, 2020.

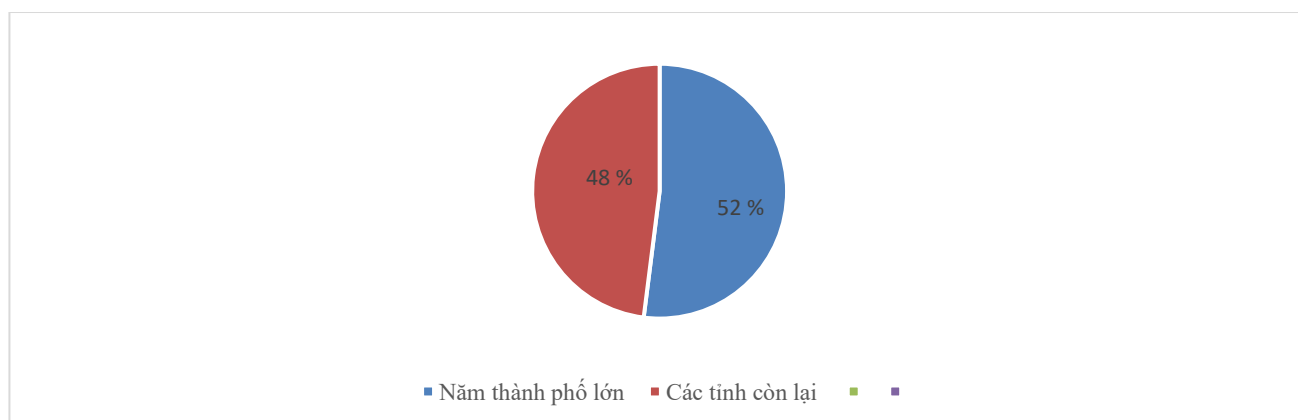
Bảng 3 cho thấy, mức thu nhập bình quân đầu người của mỗi thành phố, đặc biệt là thu nhập của người dân ở khu vực thành thị cao hơn thu nhập trung bình của cả nước cũng như các tỉnh còn lại. Số liệu Bảng 3 cũng cho thấy xu hướng thu nhập bình quân đầu người phân chia theo tỉnh hay phân chia theo nông thôn-thành thị đều gia tăng hàng năm. Cụ thể, năm 2020, mức thu nhập của người dân thành thị tại Hà Nội gấp 1,89, tương tự ở Hồ Chí Minh là

2,12 lần, Hải Phòng là 1,74 lần, Đà Nẵng là 1,36 lần và Cần Thơ 1,37 lần so với mức thu nhập trung bình trung cả nước và so với các tỉnh còn lại con số còn tăng hơn (xem Bảng 3)

2.2. Về thu ngân sách nhà nước

Đến năm 2021, tổng thu ngân sách của 5 đô thị này chiếm khoảng 52% tổng thu ngân sách của cả nước. Thu ngân sách lớn cũng thể hiện được tầm quan trọng của các địa bàn.

HÌNH 1. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI 5 ĐÔ THỊ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG SO VỚI CÁC TỈNH CÒN LẠI NĂM 2021 (%)



Nguồn: Tác giả tính toán dựa vào số liệu niên giám thống kê Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ và Hồ Chí Minh, 2022.

Mặt khác, thu ngân sách nhà nước bình quân đầu người của 5 đô thị luôn lớn hơn thu ngân sách bình quân đầu người cả nước (Bảng 4). Xu hướng ổn định từ năm 2015 đến 2018 với mức gấp hơn 2 lần, năm 2019 con số gấp lên hơn 4 lần. Tuy nhiên, năm 2020 và 2021 do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid nên con số có xu hướng giảm hơn so với năm 2019 nhưng 05 thành phố trực thuộc Trung ương vẫn là tạo nguồn thu chính cho nền kinh tế quốc dân.

Tuy nhiên, cơ cấu nguồn thu ngân sách trên địa bàn chủ yếu thu từ doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực công, thương nghiệp, dịch vụ ngoài nhà nước chiếm 43%, trong khi đó cơ cấu

thu từ phí, lệ phí chiếm 6%, các khoản thu về nhà đất chiếm khoảng 10% (tác giả tính toán dựa vào niên giám thống kê tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, 2021). Cơ cấu thu ngân sách nhà nước từ thuế cũng đang còn dựa nhiều vào các sắc thuế như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, các khoản thu từ thuế thu nhập cá nhân còn thấp: ví dụ tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân tại Hà Nội năm 2021 chiếm tỷ trọng 11,8%, Hồ Chí Minh tương tự 10,54% tổng thu ngân sách (Niên giám thống kê Hà Nội và Hồ Chí Minh, 2022), đặc biệt thu ngân sách từ thuế nhà, đất (thuế tài sản) còn khá khiêm tốn.

BẢNG 4. THU NGÂN SÁCH BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA 5 ĐÔ THỊ SO VỚI CẢ NƯỚC (NGHÌN ĐỒNG)

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Thu ngân sách/Người của cả nước	11.128,46	12.207,05	13.809,35	15.052,01	16.075,97	15.352,36
Thu ngân sách/người của 5 thành phố lớn	30.608,45	29.855,67	33.909,16	33.184,12	65.040,19	37.716,28
Thu ngân sách/người của 5 đô thị so với cả nước (lần)	2,75	2,45	2,45	2,21	4,05	2,46

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ NGTK Việt Nam, 2021 và 5 đô thị lớn, 2022.

Quy mô thu ngân sách nhà nước của chính quyền địa phương ở Việt Nam là khá cao nhưng sự chủ động của chính quyền địa phương ở Việt Nam trong việc huy động nguồn thu bị hạn chế trên nhiều phương diện. Các sắc thuế được phân chia 100% cho ngân sách địa phương có hiệu suất thu thuế thấp. Chính quyền địa phương bị hạn chế về khả năng tăng nguồn thu cho mình ngoài các chính sách thu do trung ương quy định. Theo quy định, ngoài các loại phí, lệ phí do trung ương thống nhất ban hành, địa phương chỉ có quyền quyết định một số loại phí, lệ phí theo phân cấp của Chính phủ và được quy định mức thu một số loại phí, lệ phí trong khung pháp luật quy định. Theo đó, phần lớn ngân sách cho chính quyền địa phương hiện nay là dưới hình thức thuế phân chia và số bổ sung của ngân sách trung ương, trong đó có nhiều tỉnh đang phải dựa khá nhiều vào nguồn bổ sung từ ngân sách trung ương. Trong các nguồn thu mà ngân sách địa phương được hưởng 100% hiện nay thì các khoản thu từ đất đai chiếm một vị trí khá quan trọng. Tuy nhiên, khác với nhiều nước, các khoản thu từ đất đai của Việt Nam chủ yếu là các khoản thu “có tính chất một lần” như thu từ giao quyền sử dụng đất, còn các khoản thu có tính chất thường xuyên như thu từ thuế đất chiếm một tỷ trọng rất nhỏ. Số liệu về cơ cấu nguồn thu cho biết, nguồn thu từ phí, lệ phí rất hạn chế và đặc biệt là thuế tài sản là nguồn thu tiềm năng rất lớn nhưng hiện tại chúng ta chưa thực hiện được kể cả các đô thị lớn. Đó cũng chính là rào cản tăng nguồn thu riêng cho mỗi thành phố.

2.3. Về hoạt động xuất khẩu

Năm 2012, năm thành phố trực thuộc trung ương đóng hơn 37% kim ngạch xuất khẩu, con số tương ứng năm 2021 là 26,2% kim ngạch xuất khẩu, cụ thể năm 2021 giá trị xuất khẩu cả nước là 336,31 tỷ USD, và 5 thành phố lớn là 88,091 tỷ USD (Niên giám thống kê Hà Nội, 2022, tr 138). Tổng giá trị xuất khẩu của 5 thành phố lớn có xu hướng giảm là do hiện nay tốc độ đô thị hóa ở Việt Nam tăng mạnh, nhiều khu chế xuất, công nghiệp tập trung thêm ở các

thành phố mới phát triển như Bắc Ninh, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Bình Dương. Ngoài ra, còn do yếu tố khách quan như sự sụt giảm nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam tại 19 thị trường, trong đó có một số thị trường có mức giảm lớn là Myanmar, Đài Loan, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Rumani, Irắc, Angieri...

2.4. Về hoạt động thu hút đầu tư

Trước hết, có thể nhận thấy, dòng vốn FDI vào 5 đô thị chiếm một tỷ lệ khá lớn so với các địa phương trên cả nước. Năm 2021, dòng vốn FDI đăng ký đầu tư vào 5 đô thị này tăng mạnh, tổng vốn FDI đăng ký trong năm là 15.441,3 triệu USD, chiếm xấp xỉ 39,7% so với cả nước (Niên giám thống kê Việt Nam, 2021) (Bảng 5).

Xét trên khía cạnh chất lượng, dòng vốn FDI ở các thành phố đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của các thành phố như: (i) đóng góp vào tổng giá trị sản xuất của thành phố (GO), giá trị sản xuất công nghiệp và giá trị xuất khẩu; (ii) góp phần nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao năng suất lao động cho nền kinh tế; (iii) góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương; (iv) đóng góp vào nguồn thu ngân sách của địa phương ngày càng lớn; (v) có tác động lan tỏa đến các thành phần kinh tế khác.

Tuy vậy, chất lượng dòng vốn FDI vào các thành phố còn nhiều bất cập, nhất là về cấu trúc dòng vốn. Xét theo ngành, dòng vốn FDI chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, chiếm khoảng 67% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tỷ trọng vốn đầu tư vào ngành nông nghiệp hay lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ còn hạn chế. Xét theo trình độ công nghệ, dòng vốn FDI trên địa bàn chủ yếu là các dự án gia công, lắp ráp, có trình độ công nghệ thấp và chủ yếu đến từ các nước trong khu vực châu Á như Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN..., Trong khi đó, dòng vốn đến từ các nước G7 chỉ chiếm gần 20% tổng vốn đăng ký (Niên giám thống kê 5 thành phố trực thuộc Trung ương, 2021). Xét theo địa phương, dòng vốn FDI chủ

yếu tập trung vào thành phố có cơ sở hạ tầng đồng bộ, thuận tiện, gần cảng biển, sân bay và đường quốc lộ chính như thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ. Do vậy, tổng vốn FDI đăng ký năm 2021 ở các thành phố này về tổng thể đều tăng hơn so với

năm trước, xét về chi tiết thì năm 2021 vốn đăng ký ở Hà Nội và Đà Nẵng có giảm hơn so với các năm trước, nguyên nhân một phần là do thành phố này đã có sự lựa chọn các dự án ít gây ảnh hưởng tới môi trường.

BẢNG 5. TỶ LỆ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) ĐĂNG KÝ CỦA 5 ĐÔ THỊ LỚN SO VỚI CẢ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2017-2021 (TRIỆU USD)

	2017	2018	2019	2020	2021
Cả nước	37.100,6	36.368,6	38.951,7	31.045,3	38.854,3
Năm thành phố lớn	4.333,86	6.892,43	4.618,02	10.936,9	15.441,3
Hà Nội	1.486	5.040	1.606	3.867,2	1.469,1
Hồ Chí Minh	2.426	812	1.891	5.221,2	7.183,3
Hải Phòng	258,1	743,3	639,6	1.587,1	5.288,6
Đà Nẵng	95,18	76,89	155,36	217,8	173,0
Cần Thơ	19,1	223,97	8,404	43,6	1.327,3

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ NGTK Việt Nam, 2021 và năm đô thị lớn, 2022.

Với vai trò là các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, có thể thấy số lượng các doanh nghiệp ở 5 đô thị ngày càng tăng và chiếm tỷ lệ lớn so với tổng số doanh nghiệp của cả nước. Năm 2018, năm thành phố có 55,1% tổng số các doanh nghiệp trên cả nước. Điều này càng khẳng định vị trí của 5 thành phố là trung tâm

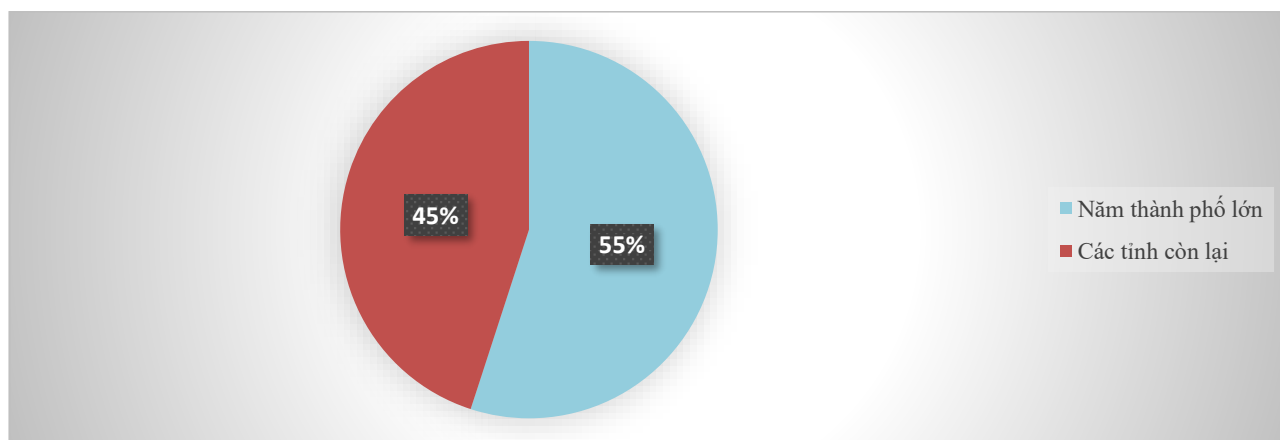
kinh tế, kinh doanh của cả nước trong những năm gần đây. Năm 2020, 2021 đại dịch Covid 19 phần nào ảnh hưởng đến tình hình thu hút đầu tư nước ngoài, cụ thể tổng số vốn tại Hồ Chí Minh giảm từ 1.891 triệu đô la Mỹ năm 2019 xuống 985 triệu đô la Mỹ vào năm 2020 và tương ứng năm 2021 còn 665 triệu đô la Mỹ.

BẢNG 6. SỐ DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TÍNH ĐẾN 31/12 HÀNG NĂM TẠI MỘT SỐ THÀNH PHỐ LỚN VÀ CẢ NƯỚC

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Đô thị						
Hà Nội	105.075	111.452	121.549	129.561	141.439	144.692
HCM	149.247	171.655	203.674	199.389	219.051	216.637
Đà Nẵng	11.514	13.285	15.127	15.168	17.105	18.886
Cần Thơ	4.742	5.940	7.142	7.149	8.208	8.343
Hải Phòng	9.791	12.262	14.088	15.541	16.012	15.733
Tổng 05 thành phố	280.369	314.594	362.872	393.187	394.435	404.591
Cả nước	442.485	505.059	654.633	714.755	683.600	684.300

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ NGTK Việt Nam, 2021 và năm đô thị lớn, 2022.

HÌNH 2. TỶ TRỌNG SỐ DOANH NGHIỆP CỦA 5 ĐÔ THỊ SO VỚI PHẦN CÒN LẠI CỦA CẢ NƯỚC NĂM 2020



Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ NGTK Việt Nam, 2021 và năm đô thị lớn, 2022.

Số lượng các doanh nghiệp của 05 thành phố lớn chiếm hơn 50% tổng số doanh nghiệp của cả nước, điều này thể hiện đóng góp kinh tế lớn cho quốc gia cả về GDP lẫn công ăn việc làm. Kinh tế hộ tiếp tục phát triển, góp phần tạo việc làm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực xã hội, tác động tích cực đến kết quả chung của nền kinh tế. Cụ thể, tăng trưởng GRDP năm 2022 so với năm 2021 ở Hà Nội là

8,89%, Hồ Chí Minh tăng 9,03%, Hải Phòng 12,3%, Đà Nẵng 14,05% và Cần Thơ là 12,64% (Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

2.5. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế của 5 đô thị lớn này chuyển dịch theo hướng hiện đại với tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ chiếm hơn 96% trong cơ cấu kinh tế (Bảng 7).

BẢNG 7. SO SÁNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ BÌNH QUÂN CỦA 5 ĐÔ THỊ VÀ CẢ NƯỚC

	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Cả nước (%)	100	100	100	100	100	100	100
Nông nghiệp	17	16,32	15,34	14,68	13,46	12,66	12,56
Công nghiệp	33,25	32,72	33,4	34,23	34,49	45,51	46,23
Dịch vụ	49,75	50,96	51,26	51,09	52,05	41,83	41,21
Năm thành phố lớn (%)	100	100	100	100	100	100	100
Nông nghiệp	5,1	4,65	4,14	4,03	3,75	4,02	3,97
Công nghiệp	26,13	27,71	28,13	29,44	30,10	39,43	39,5
Dịch vụ	68,77	67,64	67,73	66,53	66,15	56,55	56,53

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ NGTK Việt Nam, 2021 và năm đô thị lớn, 2022.

Bảng 7 cho thấy, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của 5 thành phố lớn luôn cao hơn cả nước và theo hướng hiện đại, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp và tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Điều này chứng tỏ xu thế tiến bộ, phù

hợp với hướng chuyển dịch cơ cấu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và củng cố tiềm lực kinh tế đất nước. Tuy nhiên, cần tập trung tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng gia tăng tỷ trọng các ngành

công nghiệp có giá trị gia tăng cao và giá trị xuất khẩu lớn, giảm tỷ trọng công nghiệp khai thác và nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng tới sự phát triển bền vững. Ngành chế biến, chế tạo luôn đóng vai trò động lực, dẫn dắt tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tỷ trọng trong GDP tăng dần qua các năm.

3. Một số giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn 2050

Việc phân tích thực trạng kinh tế đô thị tại 05 địa phương cho thấy, mặc dù kinh tế đô thị đóng góp phần lớn vào tăng trưởng kinh tế chung của cả nước như tỷ lệ đóng góp GDP, giá trị xuất nhập khẩu, thu ngân sách cũng như hoạt động thu hút vốn đầu tư... tuy nhiên, để thúc đẩy kinh tế đô thị phát triển bền vững hơn và mở rộng sang các địa phương khác trong cả nước giai đoạn tới, chúng ta cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất: Đẩy nhanh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế đô thị theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ và công nghiệp; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong đô thị.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng để kinh tế địa phương, trong đó có kinh tế đô thị phát triển bền vững. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng định hướng cũng góp phần hoàn thiện nhiều tiêu chí về phát triển đô thị như: quy mô dân số, nâng cao tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ - du lịch trong cơ cấu kinh tế và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp...

Khu vực dịch vụ cũng là điểm sáng và động lực tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây. Việc tái cơ cấu ngành dịch vụ được thực hiện theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm có năng lực cạnh tranh; phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao như công nghệ thông tin, truyền thông, tài chính, ngân hàng, logistics, hàng không, du lịch và thương

mại điện tử, y tế, giáo dục đầy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng đô thị và phát triển kinh tế đô thị.

Thứ hai: Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài

Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện cần thiết để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài như rà soát, bổ sung quỹ đất sạch, rà soát lại quy hoạch điện, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư nước ngoài; công khai kế hoạch và các thủ tục đầu tư bằng nhiều hình thức; cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin kinh tế - xã hội, quy hoạch, định hướng thu hút đầu tư của địa phương cho các nhà đầu tư; đồng thời, xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, chủ động hơn, đúng trọng tâm, bám sát nhu cầu và thực tế của địa phương, trực tiếp đến từng tập đoàn, đối tác, hướng vào thị trường và sản phẩm cụ thể. Tăng cường liên kết với các trung tâm xúc tiến đầu tư trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các hiệp hội ngành hàng, tổ chức quốc gia và quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan truyền thông đại chúng và doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, nâng cao năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong ứng xử, phục vụ doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài; tăng cường phối hợp các sở, ban, ngành để hỗ trợ các nhà đầu tư; chủ động nghiên cứu đề xuất cải tiến các thủ tục đầu tư, kinh doanh. Cùng với đó là tăng cường công tác hậu kiểm, kiên quyết thu hồi các dự án "treo", các dự án chậm triển khai, thực hiện không đúng tiến độ cam kết; tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nước ngoài; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nước ngoài tiếp cận các nguồn lực; sát cánh với các nhà đầu tư nước ngoài giải quyết những khó khăn về thủ tục hành chính và các vướng mắc phát sinh trong tiến trình hoạt động kinh doanh.

Thứ ba: Cần tăng cường giải pháp tài chính cho phát triển đô thị, cụ thể:

Đẩy mạnh các nguồn thu nội tại trong đô thị

Mặc dù các lỗ hổng lớn về tài chính đô thị đòi hỏi phải cải cách cơ cấu lớn cần có thời gian, tuy nhiên cũng có một số chuyên gia cho rằng nên khai thác các nguồn doanh thu đã được giao cho họ hiệu quả hơn. Cần phải tập trung vào tối đa hóa các khoản thu từ thuế tài sản, phí người sử dụng dịch vụ phải trả tiền và sử dụng đất đô thị cho hoạt động kinh doanh. Người dùng trả tiền, người thụ hưởng phải trả tiền và người gây ô nhiễm phải trả tiền là nền tảng của lý thuyết tài chính công. Chúng ta phải sử dụng và khai thác một cách khoa học để xác định cơ sở thuế. Cải cách quản lý thuế tài sản như đánh giá, định giá đất cũng như lưu trữ hồ sơ cũng cần phải được chú trọng.

Giao kế hoạch thu ngân sách phù hợp

Căn cứ vào sự phát triển kinh tế, đặc biệt là tình hình thu ngân sách cụ thể hàng năm của các thành phố, các thành phố chủ động lập dự toán thu hàng năm và đề xuất lên cấp trên, Trung ương dựa trên cơ sở đề xuất của thành phố sẽ đưa ra các con số cụ thể về mức thu ngân sách cho từng loại đô thị, từng loại thành phố. Giao kế hoạch thu ngân sách gắn liền với trách nhiệm của người đứng đầu; nếu thu không đủ theo kế hoạch giao cần phải giải trình và chịu trách nhiệm, nếu thừa so với kế hoạch giao cũng cần phải xem xét lại cách lập dự toán cũng như dự báo tình hình phát triển kinh tế của thành phố. Mặt khác, cũng khuyến khích các thành phố chủ động, tích cực trong việc tạo nguồn thu; có kế hoạch cụ thể cho từng nguồn thu như thuế, phí, lệ phí.

Tài liệu tham khảo

1. Cục Thống kê Cần Thơ (2022). *Niên giám thống kê Thành phố Cần Thơ*. Nxb Thống kê.
2. Cục Thống kê Hà Nội (2022). *Niên giám thống kê Thành phố Hà Nội*. Nxb Thống kê.
3. Cục Thống kê Hải Phòng (2022). *Niên giám thống kê Thành phố Hải Phòng*, Nxb Thống kê.
4. Cục Thống kê Hồ Chí Minh (2022). *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Thống kê.
5. Cục Thống kê Đà Nẵng (2022). *Niên giám thống kê Thành phố Đà Nẵng*, Nxb Thống kê.
6. Vũ Trọng Lâm và Nguyễn Thị Diễm Hằng (2021). Phát triển đô thị Việt Nam hướng tới mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. *Tạp chí cộng sản*, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 3 năm 2023 từ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-tieu-diem/-/asset_publisher/s5L7xhQiJeKe/content/phan-trien-do-thi-o-viet-nam-huong-toi-muc-tieu-den-nam-2030-tam-nhin-den-nam-2045>
7. Tổng cục Thống kê (2016). *Điều tra mức sống dân cư (VHLSS)*. Nxb Thống kê, Hà Nội.
8. Tổng cục Thống kê (2018). *Điều tra mức sống dân cư (VHLSS)*. Nxb Thống kê, Hà Nội.
9. Tổng cục Thống kê (2020). *Điều tra mức sống dân cư (VHLSS)*. Nxb Thống kê, Hà Nội.
10. Tổng cục Thống kê (2021). *Niên giám thống kê Việt Nam*. Nxb Thống kê, Hà Nội.
11. Xing Quan Zhang (2011). *The Economic Role of Cities*, UN- HABITAT.

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Thị Thanh Huyền, TS.

- Đơn vị công tác: Đại học Kinh tế quốc dân.

- Địa chỉ email: huyennt@neu.edu.vn

Ngày nhận bài: 28/1/2023

Ngày nhận bản sửa: 28/4/2023

Ngày duyệt đăng: 26/5/2023